

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 01 – 2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 549/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Trúc P**, sinh năm 1986 (Có mặt)

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh Quốc Tịch Việt N**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: **ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2023 nguyên đơn bà **Lê Thị Trúc P** trình bày:*

Năm 2009, chị **P** và anh **N** kết hôn trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình chị **P** và anh **N** có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **T**, tỉnh **Vĩnh Long**. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được khoảng 13 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, anh **N** không lo cho vợ con. Năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 06 năm 2022, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **P** yêu cầu được ly hôn với anh **N**. Về con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Trọng H**, sinh ngày 20/10/2010, đang sống chung với chị **P**, chị **P** yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **P** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Thanh Quốc T** Việt Nam trình bày: Anh **N** thống nhất theo lời trình bày của chị **P** về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh **N** không đồng ý ly hôn với chị **Lê Thị Trúc P**. Trong trường hợp ly hôn thì về con chung: Anh **N** đồng ý giao con chung tên **Nguyễn Trọng H**, sinh ngày 20/10/2010 cho chị **P** nuôi dưỡng, anh **N** đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị **Lê Thị Trúc P** quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục và thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị **P** và anh **N** cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng ý kiến. Chị **P** xác định không còn tình cảm vợ chồng, thời gian ly thân kéo dài, chị **P** không muốn tiếp tục chung sống với anh **N**. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa chị **P** và anh **N** không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị **P** và anh **N**.

[4]. Về con chung: Chị **P** và anh **N** thống nhất trình bày có 01 con chung tên **Nguyễn Trọng H**, sinh ngày 20/10/2010, đang sống chung với chị **P**.

Chị **P** và anh **N** thống nhất thoả thuận như sau: Tiếp tục giao con chung **Nguyễn Trọng H**, sinh ngày 20/10/2010 cho chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **N** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh **N** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **P** và anh **N** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị **P** phải

chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh **N** phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị **Lê Thị Trúc P**. Cho chị **Lê Thị Trúc P** được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh Quốc Tịch Việt N**.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung **Nguyễn Trọng H**, sinh ngày 20/10/2010 cho chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **N** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh **N** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị **P** và anh **N** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **P** và anh **N** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị **P** nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.050.000đồng theo biên lai thu số **N** 0013731 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị **P** được nhận lại số tiền chênh lệch là 750.000đồng.

- Anh **N** nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Hồng Chi